TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA B- TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ - ST
Ngày 08/4/2024
V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA B, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị H
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Công H1
2. Bà Trần Thị L- Nguyên cán bộ Hội phụ nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Q – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia B: Bà Vũ Thị H1, Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2024, tại trụ sở Tòa án, Tòa án huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2024/TLST - HNGĐ ngày 29/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị N, sinh năm 1985. Có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy K, sinh năm 1986. Có mặt.

Cùng ĐKHKTT: Thôn Phương Độ, xã Bình D, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kh kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Bình D, huyện Gia B tỉnh Bắc Ninh. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2015, đến năm 2022 thì bắt đầu sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Kh thường xuyên say rượu, có lời nói và hành vi không chuẩn mực, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, trong chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đều thể hiện anh Kh, sinh năm 1984. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng đi làm ăn ở Đăk lăk về đã làm mất một số giấy tờ tuỳ thân, nên khi làm căn cước công dân, anh Kh đã khai là sinh năm 1986, do đó mới có sự mâu thuẫn trong căn cước công dân với giấy chứng nhận kết hôn.

Về con chung: Chị và anh Kh có hai con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 22/8/2005 và cháu Nguyễn Huy Hoàng N, sinh ngày 06/3/2009. Cháu T hiện đã trên 18 tuổi, cháu hoàn toàn khoẻ mạnh, phát triển bình thường, tự lao động đề nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu Hoàng N hiện nay đang ở với chị, do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng cháu Hoàng N, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị N đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bị đơn là anh Nguyễn Huy K trình bày:

Anh và chị N kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Bình D. Từ trước đến nay trong chứng minh thư nhân dân đều thể hiện anh sinh năm 1984, tại thời điểm đăng ký kết hôn trong giấy chứng nhận kết hôn cũng thể hiện anh sinh năm 1984, và thực tế anh sinh năm 1984. Sau này quá trình làm căn cước công dân do giấy tờ tuỳ thân anh không giữ lại được bản gốc, anh đã khai mình sinh năm 1986 nên mới thể hiện năm sinh trong căn cước công dân mới làm là 1986. Quá trình chung sống cùng nhau, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Anh xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ khi sống ly thân, anh đã tìm mọi biện pháp để gọi chị N về đoàn tụ cùng nhau nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không muốn ảnh hưởng đến con nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị N rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau thì anh hứa sẽ bỏ rượu và quan tâm đến gia đình.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 22/8/2005 và cháu Nguyễn Huy Hoàng N, sinh ngày 06/3/2009, cháu T đã trưởng thành, cháu hoàn toàn khoẻ mạnh, phát triển bình thường, tự lao động để nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu giải quyết. Cháu N hiện nay đang ở với mẹ. Nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn mà cháu N muốn ở với anh thì anh cũng đồng ý nuôi cháu, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Kh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh Kh, chị N sinh sống được cung cấp thông tin như sau: Chị N và anh Kh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Bình D, tại thời điểm đăng ký kết hôn chứng minh nhân dân của anh Kh thể hiện anh Kh sinh năm 1984. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N, anh Kh đã sống ly thân, hiện nay anh Kh đang sống một mình tại thôn Phương Độ, xã Bình D. Chị N có đơn xin ly hôn anh Kh, địa phương có quan điểm đề nghị Toà án giải quyết đơn của công dân theo quy định của pháp luật, về vấn đề con chung, đề nghị Toà án xem xét đến nguyện vọng của con khi giải quyết. Anh Nguyễn Huy K, sinh năm 1986 trong căn cước công dân và anh Nguyễn Huy K, sinh năm 1984 trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc là 01 người.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Về con chung chị xin được nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Kh không đồng ý ly hôn. Nếu chị N rút đơn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau anh hứa sẽ bỏ rượu và quan tâm đến cuộc sống gia đình. Về tài sản chung và công nợ anh không yêu cầu Toà án giải quyết, về con chung, đề nghị xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 271, 273, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Huy K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Hoàng N, sinh ngày 06/3/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh Kh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Bình D cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Chị N trình bày quá trình chung sống cùng nhau vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thời gian dài, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, chị và anh Kh sống ly thân đã lâu, quan hệ tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh Kh cũng xác nhận vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, anh đã tìm mọi biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần, nhưng anh Kh không đưa ra được bất cứ phương án nào để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau.

Xét lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị N phù hợp với lời trình bày của anh Kh, phù hợp với thực tế được địa phương xác nhận. HĐXX nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Kh là có thật, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị N, anh Kh không còn duy trì mối quan hệ quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau, đơn xin ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận, nên xử cho chị N được ly hôn anh Kh.

[2] *Về con chung:* Chị N, anh Kh có hai con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 22/8/2005 và cháu Nguyễn Huy Hoàng N, sinh ngày 06/3/2009. Đối với

cháu T đã trên 18 tuổi, cháu hoàn toàn khỏe mạnh, tự lao động để nuôi sống bản thân nên chị N, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N, anh Kh trình bày nếu cháu N nguyện vọng muốn ở với ai thì đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và sinh hoạt của cháu N, trên cơ sở nguyện vọng của con chung, cần giao cháu Nguyễn Huy Hoàng N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Kh được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con tài sản chung và công nợ:* Chị N, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Lưu Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có sơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 271, 273, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Huy K.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Huy Hoàng N, sinh ngày 06/3/2009 cho chị Lưu Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ:* Không xem xét giải quyết.

- *Án phí:* Chị Lưu Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai ký hiệu: BLTU/23; Số: 0002704 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS huyện và tỉnh;
- THADS huyện Gia B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị H